

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83 /2018/DS-ST

Ngày: 10- 4- 2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hiếu

2. Bà Nguyễn Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang- Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT. Địa chỉ: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Vĩnh T, chức vụ: Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro theo văn bản ủy quyền số 226/UQ-CNĐN ngày 01/11/ 2017.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Vũ Nhật Q, sinh năm 1979; trú tại: Phường Hòa TĐ, quận CL, thành phố Đà Nẵng.

(Ông T có mặt, ông Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Vĩnh T trình bày:

Ngày 02/7/2015, ông Phan Vũ Nhật Q có ký với chi nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT tại Đà Nẵng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Căn cứ thu nhập của ông Phan Vũ Nhật Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.100.000 đồng. Qua nhiều lần lần việc, nhắc nhở nhưng ông Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 02 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngày 29/02/2016, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Vì vậy, ngân hàng TMCP Sài Gòn TT khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Vũ Nhật Q phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ còn lại tính đến ngày 01/11/2017 là: 46.049.652 (Bốn mươi sáu triệu không trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm năm mươi hai đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 26.122.322 đồng;
- Nợ lãi: 19.927.330 đồng.

Và không yêu cầu tính lãi phát sinh đối với khoản nợ nói trên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu lãi suất phát sinh trên số tiền 46.049.652 đồng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Bị đơn Phan Vũ Nhật Q vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có bản tự khai và cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT-Chi nhánh tại Đà Nẵng với ông Phan Vũ Nhật Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, Điều 209 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vắng mặt. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn được triệu tập họp lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Ngày 02/7/2015, ông Phan Vũ Nhật Q có ký kết với Chi nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT tại Đà Nẵng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của ông Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ 30/7/2015 đến nay ông Q giao dịch 02 lần và đã rút tiền từ thẻ tín dụng do ngân hàng cấp cho ông Q với số tiền là 24.481.700 đồng

nhưng ông Q chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.100.000 đồng, sau đó ông Q không thanh toán nữa và cũng không có thiện chí trả nợ. Ngày 29/02/2016, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Cụ thể, tính đến ngày 01/11/2017 là: 46.049.652đ (Bốn mươi sáu triệu không trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm năm mươi hai đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 26.122.322 đồng;
- Nợ lãi: 19.927.330 đồng.

Vì vậy, ngân hàng TMCP Sài Gòn TT khởi kiện yêu cầu ông Q trả nợ.

Xét thấy, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được ký kết giữa ông Phan Vũ Nhật Q với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT-Chi nhánh tại Đà Nẵng là hình thức hợp đồng tín dụng vay tiền có lãi, có thời hạn. Việc trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ(30/7/2015) đến nay ông Q chỉ thanh toán số tiền 4.100.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT-Chi nhánh tại Đà Nẵng là vi phạm hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT buộc ông Q có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 01/11/2017 là 46.049.652 đồng , trong đó: Nợ gốc 26.122.322 đồng, nợ lãi: 19.927.330 đồng là phù hợp Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Do giao dịch dân sự giữa ông Phan Vũ Nhật Q với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT- Chi nhánh tại Đà Nẵng được thực hiện xong trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 (ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật) nên cần áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và để giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT-Chi nhánh tại Đà Nẵng không yêu cầu tính lãi phát sinh đối với số nợ 46.049.652 đồng nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Vũ Nhật Q phải chịu là: $46.049.652 \text{ đồng} \times 5\% = 2.302.482$ đồng.

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT không phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.151.241 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 , Điều 147, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT đối với ông Phan Vũ Nhật Q về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Xử:

1. Buộc ông Phan Vũ Nhật Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT số tiền 46.049.652 (Bốn mươi sáu triệu không trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm năm mươi hai đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 26.122.322 đồng;
- Nợ lãi: 19.927.330 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng ông Phan Vũ Nhật Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm ông Phan Vũ Nhật Q có nghĩa vụ phải nộp 2.302.482đ (Hai triệu ba trăm lẻ hai ngàn bốn trăm tám mươi hai đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.151.241 đồng theo biên lai số 097 ngày 17/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Đức Thọ